

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:32/2017/HNGĐ-ST

Ngày:11-9-2017.

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Trung

2. Bà Trần Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:142/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:30/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Thị Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt ông C, bà Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Đ sống chung với nhau năm 1990, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/8/1996. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được nên đã ly thân hơn 10 năm nay. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Đ không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có ba đứa con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh năm 1993, Nguyễn Tấn L, sinh năm 1995 và Nguyễn Tấn S, sinh ngày 27/5/1999. Các con chung đều đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ thừa nhận nội dung ông C trình bày là đúng, bà thừa nhận quá trình sống chung giữa bà và ông C có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông C không chung thủy. Bà và các con đã nhiều lần khuyên ông C sửa đổi nhưng ông C vẫn không thay đổi. Ông C còn tự ý bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác từ năm 2006 đến nay. Nay ông C yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì bà còn thương chồng.

Về con chung: Bà Đ thừa nhận ông C khai là đúng. Hiện các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Đ.

Bị đơn bà Trần Thị Đ không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa và ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Đ có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Đ sống chung có đăng ký kết hôn năm 1996, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung giữa ông C và bà Đ xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông C không chung thủy. Ông C, bà Đ đã chấm dứt quan hệ vợ chồng hơn mười năm nay. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông C vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà Đ. Tại phiên tòa, ông C và bà Đ đều thừa nhận mâu thuẫn chính của vợ chồng là do ông C không chung thủy, ông C đã vi phạm nghiêm

trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Đ mong muốn đoàn tụ nhưng thực tế đã thể hiện ông, bà không thể tiếp tục chung sống được nữa vì ông C khẳng định ông đã không còn tình cảm vợ chồng với bà Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C.

[4] Về con chung: Các con chung của ông C và bà Đ đã thành niên, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Đ.

2. Về con chung: Đã thành niên, không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn C đã nộp theo biên lai thu số 18743 ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Ông C đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã H, huyện T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương